

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:111/2017/HNGĐ_ST
Ngày: 27/4/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Doãn Đức

2. Ông Trang Văn Hai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2017, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2391/2016/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2017/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 322, ấp Phước Hội, xã Long Hưng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Y**, sinh năm 1966

Địa chỉ: K2/293B, ấp Tân Bình, P.Bửu Hòa, Tp.Biên hòa, tỉnh Đồng Nai

(Bà X có mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị X trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Y tự nguyện quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 vì điều kiện kinh tế nên cả hai vợ chồng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì ông Y sau khi nhậu về thường đánh đập vợ con. Ngoài ra, ông Y là người không có trách nhiệm với gia đình hay bài bạc, rượu chè. Từ năm 2014, do mâu thuẫn trầm trọng nên bà và ông Y đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong tháng

08/2016 bà có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y nhưng bà đã đồng ý rút đơn đề hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, việc hàn gắn đoàn tụ không thành. Nay bà xác định bà không còn tình cảm với ông Y, yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Y có 03 con chung gồm:

1. Nguyễn Thành Tâm, sinh ngày 24/02/1995
2. Nguyễn Thành Ngọc, sinh ngày 16/5/1997
3. Nguyễn Thành Trí, sinh ngày 01/6/2000

Khi ly hôn, đối với Nguyễn Thành Tâm, Nguyễn Thành Ngọc đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành Trí và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung trong đơn khởi kiện bà xác định có nợ Nhà nước 10.000.000đ để lo cho em Trí ăn học nhưng đến thời điểm tự khai ngày 12/12/2016 và tại phiên tòa hôm nay bà xác định là không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Nguyễn Văn Thành không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của ông Minh về việc giải quyết vụ án.

Em Nguyễn Thành Trí, sinh ngày 01/6/2000 có ý kiến khi cha mẹ em là ông Y và bà X ly hôn, em có nguyện vọng được bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về đường lối giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông Y không được đăng ký kết hôn nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:
 - Nguyên đơn bà Hồ Thị Đẹp khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Thành đối chiếu các điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào

Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Hồ Thị X là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Thành là bị đơn trong vụ án

- Ông Nguyễn Văn Thành có hộ khẩu thường trú tại K2/293B, ấp Tân Bình, P.Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Bị đơn ông Nguyễn Văn Thành đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Y.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn Thành có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng tự nguyện chung sống với với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu bà X xác định vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo bà X nguyên nhân xuất hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông Y nhậu nhẹt không chăm lo cho gia đình, con cái. Từ năm 2014 đến nay, hai người đã sống ly thân với nhau. Theo kết quả xác minh ngày 16/02/2017 tại phường Bửu Hòa cho thấy, cuộc sống gia đình của ông Y bà X đã phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Y không đến Tòa án làm việc không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy ông Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà X và ông Y có 03 con chung gồm:

Nguyễn Thành Tâm, sinh ngày 24/02/1995

Nguyễn Thành Ngọc, sinh ngày 16/5/1997

Nguyễn Thành Trí, sinh ngày 01/6/2000

Đối với Nguyễn Thành Tâm, Nguyễn Thành Ngọc đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với em Nguyễn Thành Trí, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi bà X và ông Y sống ly thân cho đến nay, thì em Trí do bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định. Bản thân em Trí cũng có nguyện vọng được bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, giao con chung chưa thành niên là em Nguyễn Thành Trí cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp

nguyện vọng của em Trí, đúng quy định của pháp luật. Ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà X xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Bà Hồ Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng các điều 14, 15, 53, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị X đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Thành về việc tranh chấp ly hôn

Tuyên xử:

Không công nhận bà Hồ Thị X, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Văn Thành sinh năm 1966 là vợ chồng

Giao con chung là Nguyễn Thành Trí, sinh ngày 01/6/2000 cho bà Hồ Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Thành không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn Thành được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Hồ Thị X phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 000750 ngày 09/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND P. Bửu Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Minh Nhựt

